

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/DSST

Ngày 26 -10-2020

Vv: “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hà Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Lợi

2. Ông Nguyễn Việt Tú

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Ngày 26 tháng 10 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 44/2020/TLST- DS ngày 19 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử 12/2020/QĐXX-ST ngày 06 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Kim M, sinh năm 1974

Địa chỉ: Khu Đ, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ (chị M có mặt).

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1980

Địa chỉ: Khu Đ, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

Người làm chứng: Anh Lê Văn C, sinh năm 1976

Địa chỉ: Khu Đ, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu bổ sung, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Kim M trình bày:

Năm 2010, chị M đã cho chị Nguyễn Thị Thu H vay tiền hai lần. Lần 1 Ngày 12/01/2010 dương lịch chị H vay số tiền là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng); Lần 2 ngày 21/02/2010 dương lịch (tức ngày 29/12/2009 âm lịch) chị H vay số tiền là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng chẵn), đã trả được 20.000.000đ. Tổng số tiền hai lần chị H vay hiện còn nợ là 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng chẵn). Khi vay tiền lần thứ nhất ngày 12/01/2010 chị H có viết giấy vay nợ, lần thứ 2 ngày 21/02/2010 thì không viết giấy vay nợ. Hai bên thỏa thuận miệng với nhau về lãi suất bằng lãi suất vay ngân hàng. Kể từ đó đến nay chị H không trả nợ cho chị đồng nào. Tại đơn khởi kiện và quá trình hòa giải, chị M đề nghị Tòa án buộc chị H trả cho chị số nợ gốc là 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng chẵn) và nợ lãi là 122.500.000đ (lãi trong 09 năm). Tại phiên tòa, chị xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 70.000.000đ đồng vay ngày 21/02/2010; Đối với số tiền nợ gốc là 70.000.000đ vay ngày 12/01/2010, chị M xác nhận chị H đã trả cho chị tiền nợ gốc là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) (do anh C trực tiếp mang tiền đến trả). Nay chị yêu cầu chị H phải có nghĩa vụ trả cho chị số tiền nợ gốc là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng chẵn). Chị M xin rút yêu cầu khởi kiện trả lãi số tiền 122.500.000đ đối với chị H.

- *Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn là chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:* Ngày 12/01/2010 chị có vay của chị M số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng chẵn). Khi vay chị có viết giấy biên nhận nợ đầy đủ. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 3000đ/1.000.000đ/ 01 ngày. Chị H xác định không vay số tiền 70.000.000đ ngày 21/02/2010 như chị M đã trình bày. Quá trình vay chị H trả lãi cho chị M nhiều lần nhưng không nhớ được số tiền và số lần đã trả. Chị H cũng đã đưa tiền cho chồng là anh Lê Văn C đến trả bớt phần nợ gốc cho chị M được 20.000.000đ. Chị H xác định chỉ còn nợ lại chị M số tiền là 50.000.000đ. Chị M kiện đòi nợ, chị chỉ thừa nhận số tiền nợ gốc còn lại là 50.000.000đ và nhất trí trả cho chị M, chị không đồng ý trả lãi. Về thời hạn trả nợ, chị H đề nghị được trả nợ dần do chị đang gặp khó khăn về kinh tế.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Văn C (người làm chứng) trình bày: Sự việc chị Nguyễn Thị Kim M cho chị H (vợ anh) vay tiền với số tiền bao nhiêu và mục đích vay để làm gì anh không biết. Anh không vay tiền của chị M và cũng không liên quan đến khoản nợ của chị H. Anh xác định có một lần chị H nhờ anh mang số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng chẵn) đến trả cho chị M nhưng anh không biết đó là khoản tiền gì. Khi trả cho chị M, hai bên không viết giấy tờ. Nay

chị M kiện đòi nợ chị H anh không có ý kiến gì vì anh không biết nội dung việc vay nợ giữa chị M và chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

* Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Nguyễn Thị Kim M khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu H trả khoản tiền vay 140.000.000đ. Chị H có hộ khẩu thường trú tại xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ nên căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

* Về trình tự tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa (lần thứ nhất), mặc dù chị H (bị đơn) vắng mặt lần thứ nhất nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, mở phiên tòa xét xử vắng mặt chị H là đúng quy định của Pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

* Đối với đề nghị xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị M đề nghị chị H phải trả số tiền vay ngày 12/02/2010 là 70.000.000đ với lý do, chị H không thừa nhận khoản nợ này, chị M không có các giấy tờ để chứng minh, HĐXX nhận thấy: việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là sự tự nguyện của các đương sự. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX đình chỉ đối với yêu cầu trên của chị M là phù hợp.

* Đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim M đề nghị Tòa án buộc chị H phải có nghĩa vụ trả chị số tiền 70.000.000đ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, chị M và chị H đều thừa nhận: ngày 12/01/2010, chị M cho chị H vay số tiền là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng). Khi giao tiền, chị H có viết giấy biên nhận nợ. Tại phiên tòa, chị M thừa nhận, ngày 17/8/2011, anh Lê Văn C (chồng chị H) mang đến trả cho chị số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Chị M xác định khoản tiền chị H còn nợ lại chị là 50.000.000đ (năm

mười triệu đồng) và yêu cầu chị H phải có trách nhiệm trả cho chị số tiền trên. Vì vậy buộc chị H phải có trách nhiệm trả cho chị M số tiền trên là phù hợp với thực tế.

* Đối với yêu cầu về lãi suất, chị M trình bày hai bên thỏa thuận lãi suất cho vay là 1%/ tháng. Chị H cho rằng các bên thỏa thuận về lãi suất là 3.000đ/01 triệu/ 01 ngày và chị H đã trả lãi rất nhiều lần nhưng chị không nhớ ngày trả. Tại giấy nhận nợ các bên không có thỏa thuận về lãi suất, vì vậy không có căn cứ để xác định các bên đã thỏa thuận về lãi suất và cũng không có căn cứ xác định chị H đã trả lãi đối với khoản vay trên từ thời điểm nào đến thời điểm nào. Tại phiên tòa, chị M xin rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 122.500.000đ. HĐXX đình chỉ đối với yêu cầu này là phù hợp pháp luật.

[3]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 2 điều 244; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471, 473, 474 Bộ luật dân sự 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điểm b Khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của chị Nguyễn Thị Kim M về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu H trả nợ. Buộc chị Nguyễn Thị Thu H phải có nghĩa vụ trả nợ cho chị Nguyễn Thị Kim M số tiền nợ là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng chẵn).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành án xong. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên đương sự nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim M về việc yêu cầu chị H phải trả số tiền nợ gốc 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) vay ngày 12/02/2010 và số tiền lãi 122.500.000đ (Một trăm hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Kim M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.562.000đ (Sáu triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí số 0003610 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ lập ngày 19/5/2020.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Nguyễn Thị Kim M có quyền kháng cáo; chị Nguyễn Thị Thu H có quyền kháng trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh, huyện;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Khê;
- Lưu HS
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Hà Thanh Loan